

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2020/HNGĐ – ST**

Ngày: 22/5/2020

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

2/ Bà Đỗ Thị Ngoãn;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thế Vinh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 93/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1990

HKTT: Thôn Ia Ch, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

Nơi cư trú: Số nhà 51/61, đường T, phường 17, quận 12, TP. HCM

- *Bị đơn:* Anh Trần Quốc Đ, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Ấp 4, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước

(*Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quốc Đ tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 2008. Chị và anh Trần Quốc Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo giấy đăng ký kết hôn số 38 quyển số 01/2009 ký ngày 21/9/2009. Trong quá trình chung sống thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến đầu năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do đời sống vợ chồng khó khăn, sống phụ thuộc

vào bố mẹ, không có nghề nghiệp và thu nhập cho bản thân mình. Trong khi đó anh Trần Quốc Đ thường xuyên rượu chè, cờ bạc. Vợ chồng đã nhiều lần cãi vã nhau về việc này. Sau đó hai bên thống nhất ly hôn nên chị về nhà bố mẹ ruột sinh sống. Thời gian về sau anh Trần Quốc Đ bị tai nạn giao thông, chị quay về chăm sóc. Tuy nhiên, sau khi anh Trần Quốc Đ khỏe lại vợ chồng vẫn không thể chung sống lại được nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện nay, mâu thuẫn giữa chị và anh Trần Quốc Đ không thể hòa giải, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Quốc Đ.

Về nuôi con chung: Chị và anh Trần Quốc Đ có 01 con chung tên là Trần Nguyễn Huy Kh, sinh ngày 15/7/2009. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị và anh Trần Quốc Đ không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Trần Quốc Đ không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Quốc Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Trần Quốc Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời khai về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn của chị Nguyễn Thị H. Quá trình chung sống giữa vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì. Tuy nhiên năm 2015 anh bị tai nạn giao thông không có đủ sức khỏe chăm sóc vợ con nên chị Nguyễn Thị H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện nay tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Nguyễn Thị H về con chung. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng.

Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị H không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Nguyễn Thị H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Quốc Đ (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Quốc Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc Đ và chị Nguyễn Thị H đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38 quyền số 01/2009 ký ngày 21/9/2009. Lời khai của anh Trần Quốc Đ và chị Nguyễn Thị H phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 03). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Quốc Đ và chị Nguyễn Thị H là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Quốc Đ và chị Nguyễn Thị H đều khai nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quốc Đ đều xác định đôi bên không còn tình cảm và các bên đều có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc hòa giải đoàn tụ không còn ý nghĩa. Do đó, căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quốc Đ.

[4] Về nuôi con chung: Anh Trần Quốc Đ và chị Nguyễn Thị H đều khai nhận anh chị có 01 con chung tên là Trần Nguyễn Huy Kh, sinh ngày 15/7/2009. Xét, chị Nguyễn Thị H có công việc, thu nhập ổn định. Trong thời gian ly thân chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Huy Kh phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quốc Đ thống nhất giao cháu Trần Nguyễn Huy Kh cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Trần Nguyễn Huy Kh theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Trần Quốc Đ và chị Nguyễn Thị H về việc nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Quốc Đ và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Trần Quốc Đ và chị Nguyễn Thị H xác nhận anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Trần Quốc Đ và chị Nguyễn Thị H không có nợ chung yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quốc Đ

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Huy Kh, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Quốc Đ và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Anh Trần Quốc Đ và chị Nguyễn Thị H không có tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Trần Quốc Đ và chị Nguyễn Thị không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0010169 ký ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (*đã nộp xong*).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/5/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Thị Phương Hạnh**

